**BÀI 4: TIẾNG CƯỜNG TRÀO PHÚNG TRONG THƠ**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**SẮC THÁI NGHĨA CỦA TỪ NGỮ VÀ VIỆC LỰA CHỌN TỪ NGỮ**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức**

- Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yêu tố Hán Việt đó.

- Hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ (từu ngữ Hán Việt) và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái.

**2. Về năng lực**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, …

- Năng lực nhận diện được sắc thái nghĩa của từ ngữ (từu ngữ Hán Việt) và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy tính, máy chiếu

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện

- GV đưa ra yêu cầu: *Tại sao các câu văn dưới đây dùng các từ Hán Việt (in đậm) mà không dùng các từ ngữ thuần Việt có nghĩa tương tự (ghi trong ngoặc đơn)?*

*+* ***Phụ nữ*** *Việt Nam anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang. (đàn bà)*

+ *Cụ là nhà cách mạng lão thành. Sau khi cụ* ***từ trần****, nhân dân địa phương đã* ***mai táng*** *cụ trên một ngọn đồi. (chết, chôn)*

*+ Bác sĩ đang khám* ***tử thi****. (xác chết)*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời câu hỏi.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt và bài học mới: *Sắc thái của từ ngữ có thể được nhận biết ở nhiều nhóm từ ngữ khác nhau trong tiếng Việt. Tuy vậy, nói về sắc thái nghĩa của từ ngữ, người ta thường lưu ý đến từ ngữ Hán Việt vì chúng thường có sắc thái nghĩa rất đặc trưng và một số ý nghĩa khác mà từ thuần Việt không thể thay thế. Để hiểu rõ hơn về sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài học.*

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |
| --- |
| **Tri thức tiếng Việt** |
| **Mục tiêu: Giúp HS**- Nắm vững tri thức về sắc thái nghĩa của từ**Nội dung:** GV sử dụng KT vấn đáp để hỏi phần tri thức tiếng Việt |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**? Nêu hiểu biết của em về sắc thái nghĩa của từ ngữ?? Đọc ngữ liệu SGK/86 và chỉ ra sự khác biệt về sắc thái nghĩa của các từ ngữ trong các cặp sau: *ăn-xơi, trắng tinh-trắng hếu, vàng-vàng vọt, người lính-tên lính?**?* Đọc ngữ liệu SGK/86 và phân biệt sắc thái nghĩa của từ Hán Việt với những từ có nghĩa tương đồng trong tiếng Việt?*- Sóng gợn* ***tràng giang*** *buồn điệp điệp (*Huy Cận*, Tràng Giang) –* ***sông dài****- Hôm nay,* ***phu nhân*** *Thủ tướng đến thăm các cháu ở nhà trẻ Hoa Hồng. –* vợ*- Các* ***phụ huynh*** *rất mong được biết kết quả học tập, rèn luyện của con em mình. –* cha anh**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, dựa vào PHT số 1 đã chuẩn bị ở nhà để chuẩn bị nội dung trả lời.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận****GV**: Gọi đại diện HS trả lời**HS**:- Đại diện trả lời câu hỏi- Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét câu trả lời của HS- Chốt kiến thức và chuyển sang phần thực hành bài tập. | **I. SẮC THÁI NGHĨA CỦA TỪ NGỮ**- Sắc thái nghĩa của từ ngữ là phần bổ sung cho nghĩa cơ bản, thể hiện thái độ, cảm xúc, cách đánh giá của người dùng đối với đối tượng được nói đến.**II. SẮC THÁI NGHĨA CỦA TỪ NGỮ VÀ VIỆC LỰA CHỌN TỪ NGỮ****1. Ngữ liệu (SGK/86)**- ***ăn*** có tính chất trung tính – ***xơi*** có sắc thái trang trọng- ***trắng tinh*** có sắc thái nghĩa tích cực (tốt nghĩa) – ***trắng hếu*** có sắc thái nghĩa tiêu cực (xấu nghĩa).- ***tràng giang*** có sắc thái cổ kính. Nếu thay ***tràng giang*** bằng ***sông dài*** thì câu thơ của Huy Cận sẽ mất đi sắc thái này.- ***phu nhân*** có sắc thái trang trọng. Cách dùng từ ***phu nhân*** (thay vì dùng từ ***vợ***) phù hợp với vị thế của người đước nói đến.- ***phụ huynh*** có sắc thái khái quát, trừu tượng. Từ ***phụ huynh*** không thể thay tế bằng từ ***cha anh***.**2. Nhận xét**- Những sắc thái nghĩa cơ bản: trang trọng-thân mật-suồng sã, tích cực-tiêu cực, tốt nghĩa-xấu nghĩa, …- Trong giao tiếp, cần chú ý sử dụng từ ngữ có sắc thái nghĩa phù hợp để phát huy được hiệu quả biểu đạt và ngữ cảnh mà từ xuất hiện.- Nhóm từ Hán Việt thường có sắc thái nghĩa cổ kính, trang trọng hoặc khái quát, trừu tượng, khác hẳn với những từ có nghĩa tương đồng trong tiếng Việt. |

|  |
| --- |
| **THỰC HÀNH** |
| **Mục tiêu: Giúp HS**- Củng cố lại kiến thức đã học: sắc thái nghĩa của từ và việc lựa chọn từ ngữ- Sử dụng tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập.**Nội dung** |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**- GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.- HS tiếp nhận nhiệm vụ**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS đọc bài tập trong SGK, thảo luận và trả lời từng câu hỏi.- GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức. | **Bài tập 1:**- Các từ ngữ *ngắn, cao, lên tiếng, chậm rãi* có sắc thái trung tính.- Các từ ngữ *cụt lủn, lêu nghêu, cao giọng, chậm chạp* mang sắc thái tiêu cực.+ *Cụt lủn* là ngắn đến mức đáng ngại+ *Lêu nghêu* là cao quá cỡ🡺 Cả hai từ này đều gợi lên sự mất cân đối, thiếu thẩm mĩ.+ *Cao giọng* có phần giống với *lên tiếng*: phát biểu ý kiến để biểu thị quan điểm, thái đội về một vấn đề nào đó.~ *Lên tiếng* có tính chất trung tính~ *Cao giọng* thể hiện thái độ bề trên và không đúng đắn+ *Chậm chạp:*~ là có tốc độ, nhịp độ dưới mức bình thường rất nhiều (quá chậm) hoặc không được nhanh nhẹn, thiếu linh hoạt.~ thể hiện ý không mong muốn hay sự đánh giá tiêu cực của người dùng từ này về đối tượng được nói đến.**Bài tập 2:** |
| **STT** | **Từ Hán Việt** | **Giải nghĩa** | **Đặt câu** |
| 1 | *loạn lạc* | tình trạng xã hội lộn xộn, không có trật tự, an ninh do có loạn  | Thời buổi *loạn lạc*, làm việc gì cũng phải cẩn trọng cháu à! |
| 2 | *gian nan* | có nhiều khó khăn, gian khổ phải vượt qua | Để doanh nghiệp có thành tựu hôm nay, anh ấy đã phải trải qua rất nhiều *gian nan*. |
| 3 | *triều đình* | nơi các quan vào chầu vua và bàn việc nước, thường dùng để chỉ cơ quan trung ương của nhà nước quân chủ, do vua trực tiếp đứng đầu | Ta phụng mệnh *triều đình* mà hành sự, các ngươi không thể không tuân theo. |
| 4 | *tể phụ* | chức quan hàng đầu triều đình giúp vua trị nước, thông thường chỉ Tể tướng | Các quan đều chăm chú lắng nghe khi quan *tể phụ* dâng tấu lên nhà vua. |
| 5 | *thác mệnh* | mượn nhờ mệnh lệnh | Hắn *thác mệnh* nhà vua để ra oai với và con bách tính. |
| 6 | *không cùng* | không có chỗ tận cùng, không có giới hạn | Tham vọng về tiền bạc và địa vị của hắn là *không cùng*. |
| 7 | *giả hiệu* | chỉ trên danh nghĩa chứ thực chất không phải; mượn dnah hiệu khác, cốt để đánh lừa | Gã ấy là một kẻ quân tử *giả hiệu*. |
|  | **Bài tập 3:**a. Từ *vĩ đại* mang sắc thái trang trọng hơn so với từ *to lớn*.b. - Từ *chết* trung tính.- Từ *hi sinh* mang sắc thái trang trọng, cho thấy đó là cái chết vì mục đích tốt đẹp, cao cả.- Từ *mất* mang sắc thái giảm nhẹ so với *chết*. |
| **Bài tập 4:**a. |
| **STT** | **Từ Hán Việt** | **Từ đồng nghĩa thay thế từ Hán Việt** |
| 1 | *phu nhân* | vợ |
| 2 | *đế vương* | vua, bậc vua chúa |
| 3 | *thiên hạ* | mọi người |
| 4 | *nội thị* | người hầu trong cung |
|  | b. Việc sử dụng các từ ngữ in đậm đó đã đem lại sắc thái cổ kính, trang trọng cho lời văn. |

**HOẠT ĐỘNG 3: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, viết đoạn văn có sử dụng các từ Hán Việt.

c) Sản phẩm: Câu trả lời, đoạn văn nói và viết của HS

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ:

+ Nêu chi tiết có tính chất trào phúng nhẹ nhàng mà sâu cay của bài thơ mà em ấn tượng nhất.

+ Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) làm rõ tính chất trào phúng nhẹ nhàng mà sâu cay của bài thơ mà em ấn tượng nhất. Trong đoạn văn có sử dụng các từ Hán Việt.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS trả lời câu hỏi và viết đoạn văn

- GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức.